

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 30-5-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền
- Bà Hồ Thị Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXX-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1960; Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: 1/ Bùi Tuyết P, sinh năm: 1988 (vắng mặt)
2/ Phan Văn Th, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 17/8/2022, quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Bà Bùi Tuyết P và ông Phan Văn Th tham gia các dây dui do ông làm chủ hui, các dây hui này bà P và ông Th đã hót hui và đóng hui chết được một phần, còn nợ lại cụ thể gồm:

1. Dây hui ngày 30/3/2019 âm lịch, hui 2.000.000 đồng/tháng còn nợ hui chết là 18.000.000 đồng.

2. Dây hui ngày 20/8/2019, hui 2.000.000 đồng/tháng, còn nợ hui chết là 36.000.000 đồng.

3. Dây hụi ngày 24/02/2019, hụi 1.000.000 đồng/tháng, còn nợ hụi chết là 16.000.000 đồng.

4. Dây hụi ngày 10/6/2019, hụi 1.000.000 đồng/tháng, còn nợ hụi chết là 18.000.000 đồng.

5. Dây hụi ngày 09/10/2019 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng/tháng, còn nợ hụi chết là 17.000.000 đồng.

Tổng cộng bà P và ông Th còn nợ tiền hụi chết tổng cộng là 105.000.000 đồng. Tháng 4/2021 ông T khởi kiện bà P và ông Th, tại buổi hòa giải ngày 12/7/2021 ông Th thống nhất số nợ và xin trả mỗi tháng từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng, hai bên có làm tờ cam kết ngày 12/7/2021 nhưng sau đó ông Th không thực hiện.

Đến tháng 12/2022 ông Th trả cho ông số tiền 2.000.000 đồng và còn nợ số tiền 103.000.000 đồng.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà Bùi Tuyết P và ông Phan Văn Th trả số tiền 103.000.000 đồng.

* Tại biên bản hòa giải ngày 07/3/2023, ông Phan Văn Th trình bày: Ông thừa nhận vợ ông là bà Bùi Tuyết P có tham gia các dây hụi do ông Nguyễn Văn T làm chủ hụi và còn nợ ông Nguyễn Văn T số tiền 105.000.000 đồng. Khi ông Nguyễn Văn T khởi kiện tại Tòa án thì vào ngày 12/7/2021 ông có ký tờ cam kết xác nhận vợ chồng ông còn nợ ông T số tiền 105.000.000 đồng, hẹn mỗi tháng sẽ trả cho ông T số tiền 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Sau đó ông đã trả được số tiền 2.000.000 đồng thì do hoàn cảnh gia đình vợ ông bệnh nên ông không có khả năng trả nợ tiếp tục.

Nay ông đồng ý cùng vợ là bà Bùi Tuyết P trả số tiền 103.000.000 đồng cho ông T nhưng xin được trả dài hạn, mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập đồng bị đơn bà Bùi Tuyết P nhưng bà Bùi Tuyết P đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà P và ông Th trả số tiền 103.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Bùi Tuyết P, ông Phan Văn Th vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả số tiền 103.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Tuyết P, ông Phan Văn Th được xác định là tranh chấp hợp đồng góp hui theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh ngày 21/03/2023 Công an xã A, huyện C, tỉnh An Giang xác nhận bà Bùi Tuyết P và ông Phan Văn Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh An Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: bà Bùi Tuyết P và ông Phan Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bà Bùi Tuyết P và ông Phan Văn Th.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định giữa ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Tuyết P, ông Phan Văn Th có xác lập hợp đồng góp hui. Ông Phan Văn Th thừa nhận vợ ông là Bùi Tuyết P còn nợ tiền hui chết chưa đóng cho ông Nguyễn Văn T tổng cộng là 105.000.000 đồng. Ngày 12/7/2021 ông Th làm tờ cam kết trả nợ, theo đó mỗi tháng vợ chồng ông sẽ trả từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng, nhưng sau đó chỉ trả được số tiền 2.000.000 đồng và còn nợ ông T số tiền 103.000.000 đồng. Việc vi phạm nghĩa vụ của bà Bùi Tuyết P và ông Phan Văn Th đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn T. Ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà Bùi Tuyết P và ông Phan Văn Th thanh toán số tiền còn nợ 103.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Do đó, căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 16, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, buộc bà Bùi Tuyết P và ông Phan Văn Th có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền còn nợ là 103.000.000đ (một trăm lẻ ba triệu đồng).

2.2 Ông Phan Văn Th thừa nhận vợ ông là bà Bùi Tuyết P có tham gia các dây hui do ông Nguyễn Văn T làm chủ hui và còn nợ số tiền 105.000.000 đồng. Ngày 12/7/2021 ông có làm tờ cam kết xin trả mỗi tháng 1.500.000 đến 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Sau đó bà P và ông Th trả được 2.000.000 đồng thì ngưng. Quá trình tố tụng ông Th xin được trả dài hạn, mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết nợ. Yêu cầu này của ông Th không được ông T đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy việc vi phạm nghĩa vụ của ông Th và bà P làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp

của ông T, vi phạm thỏa thuận của các bên nên yêu cầu của ông Th không có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí, do đó ông T được miễn tiền tạm ứng án phí phải nộp theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Bùi Tuyết P và ông Phan Văn Th phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 16, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Bùi Tuyết P và ông Phan Văn Th có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 103.000.000 đồng (một trăm lẻ ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. *Về án phí sơ thẩm*:

- Bà Bùi Tuyết P và ông Phan Văn Th phải chịu 5.150.000 đồng (năm triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Quyền kháng cáo*: ông Nguyễn Văn T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/5/2023). Bà Bùi Tuyết P và ông Phan Văn Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Phúc